

Bản án số: **200/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-8-2025
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Thế Huệ và ông Trần Viết Ty

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 146/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Vũ Xuân H, sinh năm 1990; số CCCD: 0300900xxxxx; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng).

Hiện đang sinh sống tại: A, Ka s, t 2-2-1 101-102, Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc T; số CCCD: 0300930xxxxx; địa chỉ: số 88, đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) (theo giấy ủy quyền ngày 02/4/2025).

Bị đơn: chị Đỗ Nhật H1, sinh năm 2000; số CCCD: 0383000xxxxx; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 6, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa).

Hiện đang sinh sống tại: Nhật Bản.

Tại phiên tòa vắng mặt anh H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), chị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Xuân H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đỗ Nhật H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 21/12/2022.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại A, Ka s, t 2-2-1 101-102, Nhật Bản. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau lại càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng chỉ tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm từ tháng 4/2024, từ thời điểm này vợ chồng ly thân nhau, chị H1 chuyển ra sinh sống ở nơi khác, địa chỉ cụ thể thì anh không biết, vợ chồng không còn giữ liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Nhật H1.

2. Về con chung: vợ, chồng không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: vợ, chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án được, nhưng anh biết chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình mẹ đẻ chị H1 là bà Nguyễn Thị G, địa chỉ tại thôn 6, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình chị H1.

* Qua xác minh tại gia đình chị Đỗ Nhật H1, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị G. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2025 và ngày 18/7/2025 bà G trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Đỗ Nhật H1 và là mẹ vợ của anh Vũ Xuân H. Anh H và chị H1 kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng đều sang Nhật Bản để sinh sống, làm việc, cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau. Đến khoảng đầu năm 2025 bà nghe chị H1 nói với bà là vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2024, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc ly hôn của vợ chồng các con, bà không mong muốn, nhưng đây là quyền của các con nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung và tài sản chung: bà được biết vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không nợ ai.

Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H1 qua điện thoại, nhưng địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của chị H1 thì bà không biết. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc anh H làm đơn ly hôn chị H1, bà cũng đã thông báo cho chị H1 biết. Quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H, nhưng hiện nay chị H1 đang ở Nhật Bản nên không về giải quyết ly hôn được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà đồng ý thay chị H1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị H1 biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Xuân H, xử cho anh H được ly hôn chị Đỗ Nhật H1; về con chung và tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Vũ Xuân H là nguyên đơn đang cư trú tại Nhật Bản, bị đơn là chị Đỗ Nhật H1 có đăng ký HKTT tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay cũng đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa). Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H1 ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H1 ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng mẹ đẻ của chị H1 trình bày không biết địa chỉ chị H1 ở Nhật Bản. Tuy nhiên, chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình, nên mẹ chị H1 là bà Nguyễn Thị G vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H1 biết, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Xuân H vắng mặt nhưng anh H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Nhật H1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt anh H và chị H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: anh Vũ Xuân H và chị Đỗ Nhật H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, anh H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại A, Ka s, t 2-2-1 101-102, Nhật Bản. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng

càng về sau lại càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng chí tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm từ tháng 4/2024, từ thời điểm này vợ chồng ly thân nhau, chị H1 chuyển ra sinh sống ở nơi khác, địa chỉ cụ thể thì anh không biết, vợ chồng không còn giữ liên lạc và quan tâm đến nhau nữa.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ chị H1 thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn và sinh sống tại Nhật Bản, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2025 bà nghe chị H1 nói với bà là vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2024, không còn quan tâm đến nhau nữa. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc anh H làm đơn ly hôn chị H1, bà cũng đã thông báo cho chị H1 biết. Quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H, nhưng hiện nay chị H1 đang ở Nhật Bản nên không về giải quyết ly hôn được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H làm đơn ly hôn, quan điểm của chị H1 thông qua người thân trong gia đình cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Vũ Xuân H được ly hôn với chị Đỗ Nhật H1.

[2.2] Về con chung: anh H và chị H1 không có con chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Chị H1 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, nên nếu sau này chị H1 có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Xuân H, cho anh H được ly hôn với chị Đỗ Nhật H1.

2. Về án phí: anh Vũ Xuân H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông Nguyễn Ngọc T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000xxx ngày 29/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa), anh H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: anh Vũ Xuân H và chị Đỗ Nhật H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Y, TP Hải Phòng;
- Lưu HSVA, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

